

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nạo vét sông Lý (các đoạn từ K4+549 - K5 và K9+114 - K14+400), sửa chữa công trình tiêu ra sông Lý, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 05 năm 2019 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy hoạch quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Công văn số 4220/UBND-NN ngày 18/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số công trình thủy lợi của 03 Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án Nạo vét sông Lý (các đoạn từ K4+549 - K5 và K9+114 - K14+400), sửa chữa các công trình tiêu ra sông Lý, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu tại báo cáo kết quả thẩm định ngày 17/8/2020; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 363/SC-QLDA ngày 03/9/2019 của Công ty TNHH một thành viên Sông Chu;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 955/Tr-STNMT ngày 25/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nạo vét sông Lý (các đoạn từ K4+549 - K5 và K9+114 - K14+400), sửa chữa công trình tiêu ra sông Lý, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Một thành viên

Sông Chu (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại các xã: Quảng Thạch, Quảng Khê, Tiên Trang, Quảng Trường, Quảng Hợp, thị trấn Tân Phong, Quảng Yên, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chính tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương, Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án “Nạo vét sông Lý (các đoạn từ K4+549 - K5 và K9+114 - K14+400),
sửa chữa các công trình tiêu ra sông Lý, tỉnh Thanh Hóa
của Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu”.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

Dự án “Nạo vét sông Lý (các đoạn từ K4+549 - K5 và K9+114 - K14+400), sửa chữa các công trình tiêu ra sông Lý, tỉnh Thanh Hóa” của Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu.

- *Chủ đầu tư:* Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu
- + Người đại diện: Ông Lê Văn Thủy
- + Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- + Địa chỉ: số 24 Phạm Bành, phường Ngọc Trạo, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- + Số điện thoại: 02373. 852.506

- *Phạm vi, quy mô, công suất dự án:*

Nạo vét sông Lý đoạn từ K4+549 ÷ K5 và K9+114÷K14+400 với tổng chiều dài: 5.337 m và sửa chữa cống đầu kênh tiêu Định Ninh thuộc địa phận các xã Quảng Thạch, Quảng Khê, Tiên Trang, Quảng Trường, Quảng Hợp, thị trấn Tân Phong, Quảng Yên, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; đảm bảo đảm bảo tiêu thoát cho 14.614,5ha đất nông nghiệp thuộc các huyện Đông Sơn và Quảng Xương.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn thi công dự án:

2.1. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công, vận chuyển; rút đồ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng,... Thành phần chủ yếu: bụi, SO₂, NO_x, CO,...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân khoảng 1,4 m³/ngày (nước thải vệ sinh: 0,7 m³/ngày; nước thải rửa tay chân: 0,7 m³/ngày). Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải xây dựng, nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công, rửa lốp bánh xe các phương tiện vận chuyển... phát sinh khoảng 8,5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ...

- Nước mưa chảy tràn: lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất trong khu vực dự án khoảng 0,04 m³/s. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng.

2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 9,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Chất hữu cơ, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải xây dựng gồm: Thực vật phát quang, bèo tây khoảng 9.467,5 tấn; bùn đất nạo vét thừa có tổng khối lượng là 11.340,6m³; chất thải từ quá trình xây dựng như cát, đất, bê tông, đá, bao bì ... khoảng 0,68 tấn; khối lượng đất phá dỡ quai mang đi đổ thải khoảng 1.570 tấn. Thành phần chủ yếu: cây cối, đất, đá, cát, xi măng, sắt, gỗ,...

2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

+ Chất thải rắn nguy hại gồm: giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,.... khối lượng phát sinh khoảng 20kg/giai đoạn thi công.

+ Chất thải lỏng nguy hại phát sinh khoảng 116 lít/ giai đoạn thi công.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công dự án:

3.1. Về bụi, khí thải:

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng được phủ bạt che kín thùng xe, nhằm hạn chế nguyên vật liệu rơi vãi, bụi phát tán ra môi trường;

Các xe vận chuyển đổ thải, đặc biệt là bùn thải phải được lót đáy thùng nhằm giảm thiểu nước rỉ bùn rơi vãi ra tuyến đường vận chuyển; bố trí công nhân quét dọn đất, cát vương vãi từ khu vực dự án ra tuyến đường vận chuyển gần dự án với phạm vi 1.500 m về hai phía.

- Bố trí bãi tập kết gần vị trí thi công cống kênh tiêu Định Ninh; bãi tập kết phải được quét dọn sạch, tạo ẩm (đối với vật liệu có phát sinh bụi) trước khi tập kết vật liệu để hạn chế phát tán bụi từ quá trình bốc xếp, trút đổ.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định.

3.2. Về thu gom và xử lý nước thải:

** Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:*

- Thi công dự án vào mùa khô; thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) được che chắn bằng bạt; không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần mương thoát nước; hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công cống kênh tiêu Định Ninh kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực; quản lý dầu mỡ và vật liệu độc hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

- Đổ thải bùn nạo vét đúng vị trí bãi thải; tuyệt đối không đổ thải ngay ven lề đường giao thông, chân đê ven sông nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn kéo theo lượng bùn đất chảy xuống sông, tuyến đường giao thông.

** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:*

- Đối với nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân được thu gom vào 01 hố thu gom thể tích 2 m³ tại khu lán trại thi công (kích thước:

dài x rộng x sâu: 2m x 1m x 1m) để xử lý nước thải trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Đối với nước thải nhà vệ sinh được thu gom về 02 nhà vệ sinh di động 02 buồng, 03 ngăn (kích thước: rộng 0,8m, dài 1,2m, cao 2,1m), định kỳ 2 ngày/lần, thuê đơn vị chức năng đến hút đưa đi xử lý theo quy định.

** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải thi công*

Nước thải xây dựng được thu gom về 01 hồ lắng tạm, thể tích 6,0 m³/hồ (2,0m x 1,5m x 2,0 m) được lót vải địa kỹ thuật (HDPE) ở đáy và thành để chống thấm tại khu vực lán trại trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt*

Trang bị 02 thùng nhựa composite (dung tích 100 lít/thùng); đặt tại khu vực lán trại công nhân để thu gom CTR phát sinh từ sinh hoạt của công nhân; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 ngày/lần.

** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn thi công*

- Khối lượng đất phong hóa, vật liệu rời, đất phá đề quai... được thu gom, vận chuyển, đổ thải tại khu đất ao và vườn của các hộ dân thuộc các xã Quảng Hòa, Quảng Hợp, Quảng Trạch, Quảng Phong, Quảng Yên với tổng diện tích khoảng 17.535 m²; dung tích chứa khoảng 17.535 m³.

- Thảm phủ thực vật (bèo tây, cây cối,...) và một số chất thải rắn không tái chế được được hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định.

- Đối với sắt, thép thừa, bao bì xi măng... được thu gom tập trung về khu vực lán trại công nhân để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị 02 thùng chứa (dung tích 100 lít/thùng) để chứa chất thải lỏng và rắn nguy hại riêng biệt, có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định; lưu trữ tạm tại góc trong khu lán trại; định kỳ 01 lần/quá trình thi công, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng nhằm đảm bảo an toàn trong thi công và đảm bảo các quy chuẩn về môi trường.

- Hạn chế tối đa các máy móc, phương tiện thi công hoạt động đồng thời.

- Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

4.1. Giám sát môi trường thi công

4.1.1. Giám sát chất lượng không khí

- Tần suất: 02 lần/quá trình thi công (tháng 12/2019 và tháng 3/2020).
- Chỉ tiêu giám sát: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, NH₃, H₂S.
- Vị trí giám sát: 02 vị trí
- + K1: Tại khu vực thi công tuyến kênh;
- + K2: Tại khu vực lán trại thi công.
- *Quy chuẩn áp dụng:*
- + QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- + QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- + QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

4.2.2. Giám sát chất lượng nước

- Tần suất: 02 lần/quá trình thi công (tháng 12/2019 và tháng 3/2020).
- Chỉ tiêu giám sát: pH, SS, BOD₅, COD, dầu mỡ khoáng, amoni (theo N), Sắt, tổng photpho (theo P), tổng Coliform.
- *Vị trí giám sát:* 02 vị trí:
- + NT1: Tại hồ lắng nước thải sinh hoạt tại khu lán trại trước khi thải ra môi trường.
- + NT2: Tại hồ thu gom nước thải thi công trước khi thải ra môi trường.
- *Quy chuẩn áp dụng:*
- + QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.
- + QCVN 08-MT: 2015/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

4.2. Giám sát môi trường giai đoạn vận hành

- Giám sát quá trình bồi lắng lòng sông và sạt lở bờ sông.
- Tần số giám sát là 1 lần/năm./.